TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DSST
Ngày: 21/6/2019
V/v *"Tranh chấp nợ hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Ông Trần Văn Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 118/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017, về: "*Tranh chấp nợ hụi*" theo Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HPT ngày 23/5/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Bà Lê Thị B, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Khu chợ xã S, thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn***:

Ông Trần Văn B, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ 47, thôn X, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Bị đơn:*** Ông Võ C, sinh năm: 1956 và bà Võ Thị Kim X, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Tổ 6, thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

Ông Trần Văn B, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ 47, thôn X, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị S, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bà Nguyễn Đặng Tú T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ 05, thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ 02, thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Bà Lê Thị S, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Bà Phạm Nguyễn Thu G, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Tổ 10, thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

8. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Tổ 37, thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

9. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Tổ 37, thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Bà Mai Thị H.

Địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

11. Bà Nguyễn Thị N.

Địa chỉ: Tổ 10, thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông B, bà G, bà C, bà H có mặt; ông C, bà B, bà X, bà S, bà S1, bà T, bà H1, bà S1, bà T1 vắng mặt; bà H2, bà N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các văn bản làm việc tại Toà án, Nguyên đơn bà Lê Thị B do ông Trần Văn B làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 2017 vợ ông B là bà Lê Thị B có chơi hụi gồm có 03 chân hụi do bà là vợ ông Võ C làm chủ hụi. Theo yêu cầu của bà B thì bà X có ghi giấy biên nhận ghi rõ:

Dây thứ 1: Ngày 08/10/2016 âm lịch có 15 người tham gia chơi hụi, mỗi ngày đóng 200.000đ, 01 tháng là 6.000.000đ. Phần bà B đóng 11 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng). Trung bình thực tế mỗi tháng đóng là 5.500.000đ, bà B đóng 11 tháng thành là 60.500.000đ.

Dây thứ 2: Ngày 01/11/2016 âm lịch có 14 người tham gia, mỗi ngày đóng 200.000đ, 01 tháng là 6.000.000đ. Phần bà B đóng 10 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 6.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Trung bình thực tế mỗi tháng đóng là 5.500.000đ, bà B đóng 10 tháng thành là 55.000.000đ.

Dây thứ 3: Ngày 12/12/2016 âm lịch có 14 người tham gia, mỗi ngày đóng 200.000đ, 01 tháng là 6.000.000đ. Phần bà B đóng 10 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Trung bình hực tế mỗi tháng đóng là 5.500.000đ, bà B đóng 10 tháng thành là 55.000.000đ.

Nếu tính cả tiền được lời thì bà B tính là 186.000.000đ. Nhưng tiền thực tế đóng mỗi tháng là 5.500.000đ nên tổng số tiền bà B đóng cho bà X của cả 03 dây hụi là 170.500.000đ. Năm 2017 có 02 tháng 6 âm lịch.

Bà B người sinh ra ở Cam Pu Chia nên không biết rõ chữ Việt Nam nên đã nhận biên nhận do bà X ghi là chứng cứ. Tháng 8/2017 âm lịch bà Xnói đi chữa bệnh ở thành phố Hồ Chí Minh mang theo tiền nộp hụi hàng ngày mà không giao trả lại cho hụi viên. Việc chơi hụi này thì ông C là người biết rõ vì hàng ngày ông C chở bà X đi thu tiền của hụi viên. Khi bà X bỏ đi thì chúng tôi - những người hụi viên đến nhà ông C yêu cầu giải quyết thì ông C xác nhận và cam kết đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ cho hụi viên. Ông C có đến Công an xã Xuân Sơn làm cam kết và hứa trước hụi viên sẽ có trách nhiệm trả nợ.

Nay bà B yêu cầu ông Võ C và bà X phải trả cho bà Lê Thị B số tiền thực tế đã đóng hụi là 170.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng), tiền lãi suất là 10%/năm đối với số tiền gốc trên kể từ thời gian bà X bỏ đi từ ngày 01/10/2017 cho đến ngày 08/4/2019 là 170.500.000 đồng x 1 năm 6 tháng x 10%/năm = 25.575.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 17/01/2019, bị đơn ông Võ C trình bày:

Ông Võ C là chồng của bà Võ Thị Kim X. Ông C hoàn toàn không biết gì về việc bà X chơi hụi với bà B. Ông C có ký tên vào giấy cam kết là do lúc đó ông C bị áp lực của người dân, đồng thời lúc đó ông C hoảng sợ và huyết áp xuống nên ông C xỉu, ông C có nhờ công an mua thuốc cho uống nên ông C ký tên trong lúc tinh thần bị hỗn loạn. Ông C không biết gì chuyện chơi hụi của bà X nên ông C không đồng ý trả tiền như bà B yêu cầu. Ông C có chở bà X đi lấy tiền hụi nhưng ông C không biết gì về việc chơi hụi.

Bà Võ Thị Kim X không đến tòa án để làm việc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày:

Ông B đã trình bày ý kiến cho nguyên đơn bà B như nêu trên còn với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì ông B yêu cầu ông Võ C và bà Võ Thị Kim X trả cho bà B số tiền thực tế đã đóng là 170.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng), tiền lãi suất là 10%/năm đối với số tiền gốc trên kể từ thời gian bà X bỏ đi từ ngày 01/10/2017 cho đến ngày 08/4/2019 là 170.500.000 đồng x 1 năm 6 tháng x 10%/năm = 25.575.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật nhưng việc giải quyết còn chậm so với thời gian quy định. Về nội dung vụ án bà B kiện yêu cầu bà X, ông C trả cho bà B tiền nợ hụi và tiền lãi. Yêu cầu của bà B là có cơ sở và phù hợp nên Tòa án cần xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị B yêu cầu ông Võ C và bà Võ Thị Kim X phải trả cho bà Lê Thị B số tiền hụi bà B đã đóng cho bà X và tiền lãi đây là tranh chấp nợ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Nơi cư trú của ông C, bà X là tổ 6, thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Võ Thị Kim X: Ban đầu bà B khởi kiện ông C nên ông C là bị đơn, bà X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Sau này bà B thay đổi bổ sung khởi kiện cả bà X và ông C. Do đó xác định bà X và ông C cùng là bị đơn.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bà X, ông C vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà X, ông C là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà B vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông B nên Tòa án xét xử vắng mặt bà bà B.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo bà B xác định: Tháng 8/2017 âm lịch bà X nói đi chữa bệnh ở thành phố Hồ Chí Minh mang theo tiền nộp hụi hàng ngày mà không giao trả lại cho hụi viên. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung tranh chấp:

Bà B yêu cầu ông Võ C và bà Võ Thị Kim X trả cho bà B số tiền hụi thực tế đã đóng của 03 dây hụi là 170.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng); tiền lãi suất là 10%/năm đối với số tiền gốc trên kể từ thời gian bà X bỏ đi từ ngày 01/10/2017 cho đến ngày 08/4/2019 là 170.500.000 đồng x 1 năm 6 tháng x 10%/năm = 25.575.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Xét yêu cầu của bà B thấy:

Theo lời trình bày và giấy tờ bà B cung cấp thì bà B có chơi hụi với bà X, chơi 03 dây hụi số tiền thực tế bà B đã đóng cho bà X là 170.500.000đ.

Theo những người làm chứng là những người có chơi hụi với bà X thì những người này có biết việc bà B chơi hụi với bà X. Việc chơi hụi không phải là tập trung họp mặt tất cả các hụi viên lại, hụi viên cũng không biết hết những người cùng chơi hụi với mình mà bà X thông báo cho hụi viên rồi hụi viên đóng tiền cho bà X, bà X nhận tiền rồi giao tiền cho người hốt hụi. Bà X không làm giấy ghi nhận việc đóng tiền của hụi viên.

Theo bà B quá trình chơi hụi thì ông C là người biết rõ vì hàng ngày ông C chở bà X đi thu tiền của hụi viên. Khi bà X bỏ đi ông C có đến Công an xã Xuân Sơn làm cam kết và hứa trước hụi viên sẽ có trách nhiệm trả nợ.

Ông Võ C thừa nhận có chở bà X đi thu tiền hụi nhưng ông C cho rằng ông C hoàn toàn không biết gì về việc bà X chơi hụi với bà B. Ông C có ký tên vào giấy cam kết là do lúc đó ông C bị áp lực của người dân, đồng thời lúc đó ông C hoảng sợ và huyết áp xuống nên ông C xỉu, ông C có nhờ công an mua thuốc cho uống nên ông C ký tên trong lúc tinh thần bị hỗn loạn nên ông C không đồng ý trả tiền như bà B yêu cầu. Lời trình bày trên của ông C là không thuyết phục vì ông C là chồng của bà X và ông C có chở bà X đi thu tiền hụi do đó có cơ sở khẳng định ông C có biết việc bà X chơi hụi với bà B. Ông C và bà X là vợ chồng chung sống, làm ăn chung nên ông C phải cùng có trách nhiệm với bà X trong việc trả nợ hụi cho bà B.

Hiện nay bà X đi khỏi địa phương, ông C không đồng ý trả tiền cho bà B. Tuy nhiên qua trình bày của bà B, ông C và những người làm chứng thì việc bà B có đóng tiền hụi cho bà X là có cơ sở và hiện nay bà X còn nợ tiền hụi của bà B. Số tiền thực tế bà B đóng cho bà X của 03 dây hụi theo kê khai của B là: 170.500.000đ.

Từ những tình tiết và nhận định trên thì việc bà B yêu cầu ông C, bà X trả cho bà B số tiền hụi 170.500.000đ là có cơ sở.

Về tiền lãi bà B yêu cầu bà X, ông C trả mức lãi 10%/năm đối với số tiền gốc kể từ thời gian bà X bỏ đi từ ngày 01/10/2017 cho đến ngày 08/4/2019 là 170.500.000 đồng x 1 năm 6 tháng (18 tháng) x 10%/năm = 25.575.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Mức lãi mà bà B yêu cầu là phù hợp nên cần chấp nhận.

Do đó căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B buộc bà Võ Thị Kim X và ông Võ C trả cho bà B số tiền nợ hụi 170.500.000đ và tiền lãi 25.575.000đ tổng cộng là 196.075.000đ.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông C, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST) có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà B là 197.075.000đồng x 5% = 9.803.750 đồng.

Hoàn trả cho bà B 5.275.000 (năm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai số TU/2016/ 0009940 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức. (BL 29).

Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 20/12/2018 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2018/QĐ-BPBĐ ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức sẽ được xử lý sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ hụi của bà Lê Thị B đối với bà Võ Thị Kim X và ông Võ C.

Buộc bà Võ Thị Kim X và ông Võ C phải trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ hụi 170.500.000đ và tiền lãi 25.575.000đ, tổng cộng là 196.075.000 (một trăm chín mươi sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Võ C và bà Võ Thị Kim X phải nộp số tiền án phí DSST có giá ngạch là 9.803.750 (chín triệu tám trăm lẻ ba ngàn bảy trăm năm mươi) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho bà B 5.275.000 (năm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp theo biên lai số TU/2016/ 0009940 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2019), ông B có quyền kháng cáo; đối với ông C, bà X, bà B vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thì hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự";)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan